

Phụ lục
SỐ LIỆU TIẾP NHẬN XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ
AN SINH XÃ HỘI, Y TẾ CỦA CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Đính kèm Văn bản số: /UBND-HCC ngày / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Số liệu thống kê từ ngày 30/8/2021 đến ngày 12/9/2021:

STT	Đơn vị	Đã xử lý	Đang xử lý	Tổng phản ánh	% Đã xử lý	% Đang xử lý
I	Tổng đài 1022 đã trả lời trực tiếp	2.693	127	2.820	99.6%	0.4%
II	Các Sở, ngành					
1	Công an tỉnh Đồng Nai	34	17	51	70.5%	29.5%
2	Sở Y tế	12	-	12	100.0%	0.0%
3	Sở Giao thông vận tải	5	-	5	100.0%	0.0%
4	Sở Công thương	4	-	4	100.0%	0.0%
5	Bảo hiểm xã hội Tỉnh	1	-	1	100.0%	0.0%
6	Sở Lao động - Thương binh & Xã hội	1	-	1	100.0%	0.0%
7	Sở Tài chính	-	-	-	-	-
III	Các địa phương					
1	UBND Thành phố Biên Hòa	5,677	1,079	6,756	84.0%	16.0%
2	UBND Huyện Nhơn Trạch	1,322	197	1,519	87.0%	13.0%
3	UBND Huyện Trảng Bom	1,349	84	1,433	94.1%	5.9%

STT	Đơn vị	Đã xử lý	Đang xử lý	Tổng phản ánh	% Đã xử lý	% Đang xử lý
4	UBND Huyện Long Thành	553	33	586	94.4%	5.6%
5	UBND Huyện Vĩnh Cửu	411	122	533	77.1%	22.9%
6	UBND Huyện Xuân Lộc	460	3	463	99.4%	0.6%
7	UBND Huyện Định Quán	253	56	309	81.9%	18.1%
8	UBND Thành phố Long Khánh	175	55	230	76.1%	23.9%
9	UBND Huyện Thống Nhất	148	20	168	88.1%	11.9%
10	UBND Huyện Cẩm Mỹ	117	14	131	89.3%	10.7%
11	UBND Huyện Tân Phú	123	4	127	96.9%	3.1%
Tổng cộng:		13.338	1.811	15.149	88%	12%

Phân theo lĩnh vực:

STT	Lĩnh vực	Đã xử lý	Đang xử lý	Tổng phản ánh	% Đã xử lý	% Đang xử lý
1	An sinh xã hội	12,306	1,571	13,877	88.7%	11.3%
2	Y Tế	782	173	955	81.9%	18.1%
3	Giao thông	163	56	219	74.4%	25.6%
4	Lĩnh vực khác	87	11	98	88.8%	11.2%
Tổng cộng:		3,378	13,338	1,811	15,149	88.0%